

ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ
XÂY DỰNG ĐỀ ÁN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG NƯỚC TỪ NGUỒN NƯỚC; CÁC CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN VÀ CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KINH DOANH DỊCH VỤ DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ PHẢI CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Quyết định số 2067 /QĐ-UBND ngày 10 /9/2025 của UBND tỉnh)



I. SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết

Thực hiện các quy định của pháp luật về lâm nghiệp và pháp luật có liên quan, trong những năm qua trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, góp phần quan trọng trong việc huy động các nguồn lực xã hội để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, đồng thời nâng cao đời sống của người dân, cộng đồng dân cư vùng sâu, vùng xa, sống gần rừng. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Điện Biên nguồn thu dịch vụ môi trường rừng chủ yếu đến từ các cơ sở sản xuất thủy điện và cung ứng nước sạch, bước đầu đã tạo được nguồn tài chính ổn định cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh, góp phần giảm áp lực chi ngân sách nhà nước cho công tác bảo vệ và phát triển rừng. Tuy nhiên, ngoài các đối tượng đang thực hiện nghĩa vụ chi trả dịch vụ môi trường rừng, trên địa bàn tỉnh còn một số tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đang trực tiếp sử dụng, hưởng lợi từ các dịch vụ môi trường rừng nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ theo quy định (như: các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước; các cơ sở nuôi trồng thủy sản và các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí,...).

Theo quy định tại khoản 26, Điều 1, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, việc xác định các đối tượng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng, gồm: các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước; các cơ sở nuôi trồng thủy sản và các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh. Do vậy, việc xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án **“Xây dựng Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng áp dụng đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước; các cơ sở nuôi trồng thủy sản và các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên”** là hết sức cần thiết, đảm bảo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, đồng thời góp phần tạo lập nguồn tài chính ổn định, lâu dài để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống người dân, góp phần phát triển kinh tế, xã hội địa phương và nâng cao trách nhiệm xã hội của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trực tiếp hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng.

2. Cơ sở pháp lý thực hiện

- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;
- Luật Đất đai ngày 18/01/2024;
- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;
- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;
- Luật Du lịch ngày 19/6/2017;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 109/QĐ-TTg ngày 27/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT ngày 19/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng;
- Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;
- Nghị quyết số 03/NQ-HĐQLQ ngày 13/5/2025 của Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Điện Biên tại phiên họp lần thứ nhất, năm 2025;
- Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 06/02/2025 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng và dự toán chi quản lý năm 2025 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Điện Biên; Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của UBND tỉnh Điện Biên điều chỉnh Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng và dự toán chi quản lý năm 2025 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Điện Biên;

3. Tài liệu tham khảo và sử dụng

- Bản đồ số quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất của tỉnh kèm theo Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bàn giao.
- Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.
- Bản đồ, hiện trạng rừng tỉnh Điện Biên.

- Báo cáo, số liệu và bản đồ quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên phê duyệt tại Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh.

- Hồ sơ, bản đồ giao đất, giao rừng theo các Kế hoạch số 388/KH-UBND ngày 20/2/2013, số 2783/KH-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh.

- Bản đồ và kết quả xác định lưu vực các nhà máy thủy điện và các lưu vực khác đã được xác định trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Mục đích

Xây dựng phương án chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các đối tượng là các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước; các cơ sở nuôi trồng thủy sản và các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018, số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.

2. Yêu cầu

- Xác định được các đối tượng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng là các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước; các cơ sở nuôi trồng thủy sản; các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong phạm vi khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng hoặc có vị trí tiếp giáp với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

- Điều tra, xác định được ranh giới và diện tích rừng thuộc lưu vực của các đối tượng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng được xác định.

- Xây dựng được bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2026 cho các chủ rừng thuộc các lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng được xác định.

3. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn toàn tỉnh Điện Biên.

III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

1. Nội dung thực hiện

- Điều tra, rà soát, xác định các đối tượng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng là các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước; các cơ sở nuôi trồng thủy sản; các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong phạm vi khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng hoặc có vị trí tiếp giáp với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Điều tra, xác định ranh giới và diện tích rừng thuộc lưu vực của các đối tượng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng được xác định.

- Xây dựng hệ thống bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2026 cho các chủ rừng thuộc các lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng được xác định.

1.1. Chuẩn bị

- Xây dựng đề cương kỹ thuật, dự toán thực hiện nhiệm vụ trình cấp có

thẩm quyền phê duyệt.

- Thu thập thông tin, tài liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ.
- Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ.
- Lập kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ.
- Chuẩn bị vật tư, máy móc thiết bị và nhân lực.

1.2. Điều tra ngoại nghiệp

- Sơ thám hiện trường và làm thủ tục hành chính với chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng (các Sở, ngành, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan) để thu thập các thông tin, số liệu và thống nhất nội dung công việc, phương pháp tổ chức thực hiện.

- Điều tra, rà soát, xác định danh sách đối tượng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng là cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước:

+ Thu thập các thông tin: Tên cơ sở, loại hình sản xuất, chủ sở hữu, địa chỉ, quy mô hoạt động, công suất thiết kế, thời gian hoạt động; nhu cầu sử dụng nước trong quá trình tổ chức sản xuất,...

+ Thu thập các hồ sơ, tài liệu pháp lý liên quan đến hoạt động sản xuất của cơ sở (giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt hoặc nước dưới mặt đất,...).

+ Điều tra, xác định vị trí công trình sử dụng, khai thác nước; xác định nguồn nước khai thác, loại nguồn nước, mức sử dụng nước tối thiểu, lưu lượng nước khai thác, khối lượng nước sử dụng cho hoạt động sản xuất,...

+ Điều tra, xác định nguồn nước phục vụ cho sản xuất công nghiệp, lưu vực có rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

+ Điều tra, khoanh vẽ xác định phạm vi diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

- Điều tra, rà soát, xác định danh sách đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng là tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong phạm vi khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng hoặc có vị trí tiếp giáp với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng:

+ Làm việc với các tổ chức, cá nhân có hoạt động dịch vụ lữ hành, vận tải khách du lịch, lưu trú du lịch, dịch vụ ăn uống, mua sắm, thể thao, vui chơi, giải trí, chăm sóc sức khỏe, tham quan, quảng cáo trong phạm vi khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng hoặc có vị trí tiếp giáp với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

+ Thu thập các thông tin: Tên tổ chức, cá nhân; loại hình dịch vụ du lịch; quy mô hoạt động; mức độ sử dụng và các hoạt động kinh doanh liên quan đến khu rừng; ranh giới, vị trí, diện tích của khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí,...

+ Thu thập các hồ sơ, tài liệu pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của tổ chức, cá nhân.

+ Xác định các công trình hạ tầng phục vụ du lịch tác động đến môi trường

rừng; các hoạt động kinh doanh có liên quan đến cảnh quan môi trường rừng, đa dạng sinh học, diện tích rừng; xác định doanh thu từ hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng.

+ Điều tra, khoanh vẽ xác định diện tích rừng liên quan trực tiếp đến hoạt động du lịch các tổ chức, cá nhân đang khai thác để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Điều tra, rà soát, xác định danh sách đối tượng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng là cơ sở nuôi trồng thủy sản:

+ Làm việc với các tổ chức nuôi trồng thủy sản.

+ Thu thập các thông tin: Tên tổ chức; vị trí, địa điểm hoạt động, quy mô hoạt động, thời gian hoạt động, nhu cầu sử dụng nước trong quá trình nuôi trồng thủy sản,...

+ Điều tra, xác định nguồn nước khai thác, lưu lượng nước cung cấp, hoạt động tiêu thụ nước, doanh thu từ nuôi trồng thủy sản,...

+ Thu thập các hồ sơ, tài liệu pháp lý liên quan đến hoạt động nuôi trồng thủy sản của tổ chức.

+ Điều tra, rà soát, xác định lưu vực, phạm vi diện tích rừng phục vụ cấp nước, cung ứng dịch vụ môi trường rừng cho cơ sở nuôi trồng thủy sản.

- Điều tra, xác định ranh giới và diện tích rừng thuộc lưu vực của các đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng được xác định; xây dựng hệ thống bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2026 cho các chủ rừng thuộc các lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng được xác định:

+ Thu thập, chồng xếp, số hóa, bổ sung thông tin đối với diện tích rừng, đất rừng và các loại đất khác trong lưu vực của các đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng được xác định.

+ Điều tra, chỉnh lý, cập nhật, bổ sung bản đồ hiện trạng rừng trong lưu vực của các đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng được xác định.

+ Điều tra, rà soát, xác định đối tượng, diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng trong lưu vực của các đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng được xác định.

- Làm việc, thống nhất kết quả, số liệu, bản đồ với các tổ chức, cá nhân, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan.

1.3. Nội nghiệp, xây dựng thành quả nhiệm vụ và trình duyệt

- Từ những thông tin, số liệu điều tra, xác định ở phần ngoại nghiệp, tiến hành tổng hợp, phân tích, xác định các đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng là các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước; các cơ sở nuôi trồng thủy sản; các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong phạm vi khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng hoặc có vị trí tiếp giáp với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh.

- Số hóa, biên tập, xây dựng bản đồ ranh giới và diện tích rừng thuộc lưu vực của các đối tượng phải chi trả dịch vụ môi trường rừng được xác định; hệ thống bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2026 cho các chủ rừng thuộc các lưu vực chi trả dịch vụ môi trường rừng được xác định.

- Phân tích, tổng hợp số liệu viết báo cáo kết quả Đề án.
- Tổ chức hội nghị báo cáo kết quả xây dựng Đề án.
- Chỉnh sửa báo cáo sau hội nghị và trình thẩm định, phê duyệt Đề án.
- In ấn, giao nộp thành quả (sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt kết quả theo quy định).

2. Phương pháp thực hiện

2.1. Phương pháp đối với nội dung 1.1 (Chuẩn bị)

- Thu thập các tài liệu, số liệu, bản đồ có liên quan đến nhiệm vụ.
- Sử dụng phương pháp chuyên gia và nhóm chuyên gia để tổng hợp, phân tích số liệu thu thập được và xây dựng kế hoạch chi tiết, xác định khối lượng thực hiện cho các nội dung cần điều tra, rà soát tại thực địa.
- Sử dụng phương pháp TOT (tiểu giáo viên) để tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật triển khai thực hiện nhiệm vụ.

2.2. Phương pháp với nội dung 1.2 (Điều tra ngoại nghiệp)

- Tổ chức làm việc với các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thu thập thông tin, số liệu, tài liệu liên quan về các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước; các cơ sở nuôi trồng thủy sản và các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong phạm vi khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng hoặc có vị trí tiếp giáp với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng hiện có tại địa phương.

- Tổ chức làm việc với UBND cấp xã để thu thập, bổ sung thông tin liên quan về các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước; các cơ sở nuôi trồng thủy sản và các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí hiện có trên địa bàn xã, phường và thống nhất nội dung công việc, phương pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Căn cứ kết quả làm việc với các Sở, ngành, UBND cấp xã, tiến hành tổ chức làm việc thống nhất với từng cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước; cơ sở nuôi trồng thủy sản; tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (có sự tham gia của chính quyền địa phương):

- + Thu thập các hồ sơ, tài liệu có liên quan và sử dụng các bảng câu hỏi để điều tra, thu thập các thông tin, số liệu, chỉ tiêu, quy mô, loại hình hoạt động, doanh thu, hồ sơ pháp lý liên quan,...

- + Sử dụng phương pháp khảo sát, chuyên gia, nhóm chuyên gia để xem xét phân tích, đánh giá các đối tượng là cơ sở sản xuất công nghiệp; cơ sở nuôi trồng thủy sản và tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

thuộc đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng.

- Sử dụng mô hình số độ cao (DEM), các phần mềm chuyên dụng (GIS, Mapinfor,...), kết hợp với điều tra thực địa để xác định lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng cho các đối tượng là các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước, các cơ sở nuôi trồng thủy sản và các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí:

- + Kế thừa có chọn lọc bản đồ lưu vực các nhà máy thủy điện, các lưu vực khác đã được xác định trên địa bàn tỉnh và sử dụng mô hình số độ cao (DEM), các phần mềm chuyên dụng (GIS, MapInfor,...) để xác định các lưu vực.

- + Sử dụng bản đồ địa hình, mô hình số độ cao (DEM) và phần mềm chuyên dụng GIS để xác định lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng; điều tra thực địa kiểm tra và hiệu chỉnh mô hình số hóa độ cao để đảm bảo độ chính xác.

- Sử dụng phương pháp điều tra diện tích rừng để xác định ranh giới và diện tích rừng thuộc lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng của các đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng được xác định:

- + Chồng xếp các lớp bản đồ (bản đồ theo dõi diễn biến rừng; bản đồ giao đất, giao rừng và bản đồ lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng đã được xác định,...) để xác định diện tích rừng thuộc lưu vực đã được xác định, diện tích rừng được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2026 và xác định các vị trí, diện tích rừng cần điều tra, khoanh vẽ, chỉnh lý bổ sung tại thực địa.

- + Điều tra, khoanh vẽ, chỉnh lý, bổ sung ranh giới, diện tích rừng thuộc lưu vực đã được xác định tại thực địa.

- + Căn cứ kết quả chồng xếp các bản đồ và kết quả điều tra, khoanh vẽ, chỉnh lý bổ sung tại thực địa, sử dụng phương pháp tổng hợp, thống kê để xác định diện tích rừng thuộc lưu vực đã được xác định, diện tích rừng được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2026.

- Hoàn chỉnh bản đồ, số liệu điều tra, thu thập tại thực địa và tiến hành tổ chức làm việc thống nhất với các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan để thống nhất toàn bộ kết quả đã thực hiện.

2.3. Phương pháp đối với nội dung 1.3 (Nội nghiệp, xây dựng thành quả)

- Sử dụng phương pháp chuyên gia và phần mềm chuyên ngành để xử lý số liệu, xác định, lập danh sách các đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng là các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước; các cơ sở nuôi trồng thủy sản; các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong phạm vi khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng hoặc có vị trí tiếp giáp với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh.

- Sử dụng phần mềm chuyên ngành (QGIS, Mapinfo) để số hóa, biên tập, xây dựng các loại bản đồ.

- Sử dụng phương pháp chuyên gia, nhóm chuyên gia để tổng hợp phân tích số liệu và viết báo cáo thuyết minh.

- Sử dụng phương pháp tham vấn, lấy ý kiến chuyên gia, nhà quản lý để hoàn thiện báo cáo thông qua các cuộc họp, hội nghị, hội thảo.

3. Sản phẩm của nhiệm vụ

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng áp dụng đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước; các cơ sở nuôi trồng thủy sản và các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Bản đồ lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng cho các đối tượng là các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước từ nguồn nước, các cơ sở nuôi trồng thủy sản và các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được xác định.

- Bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2026 cho các chủ rừng thuộc các lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng được xác định.

- Hệ thống biên bản làm việc, biên bản kiểm tra (kèm theo bảng, biểu số liệu có xác nhận của đầy đủ các thành phần tham gia).

- Các Quyết định của UBND tỉnh Điện Biên: Phê duyệt danh sách, nguồn nước có sử dụng dịch vụ môi trường rừng, mức sử dụng nước tối thiểu đối với cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nguồn nước phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng; phê duyệt danh sách cơ sở nuôi trồng thủy sản phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng; phê duyệt danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng.

- File dữ liệu lưu trữ chứa tất cả các hồ sơ, tài liệu, bản đồ kết quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Tổ chức và thời gian thực hiện

- Chủ đầu tư: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025-2026.

5. Nguồn vốn thực hiện: Từ kinh phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng được phê duyệt.